

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 19 - 02 - 2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ánh Sáng;

Ông Lưu Đức Chung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lê Việt Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 876/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ thường trú: Đường Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ sinh sống: Tổ 2, Khu D, Ấp H, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai;

- Bị đơn: Anh Đoàn Ngọc L, sinh năm 1991.

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ tạm trú và sinh sống: Tổ 2, Khu D, Ấp H, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai;
(Chị H, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản làm việc nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2017, tại UBND xã T (nay là xã H), huyện T, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng tháng 9/2018 do tính tình, quan điểm sống không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay không hòa giải đoàn tụ, không quan tâm

chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Đoàn Ngọc Nhật A, sinh ngày 10/10/2018 và Đoàn Ngọc Thiên A1, sinh ngày 10/10/2020. Hiện 02 con đang do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Sau ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Tòa án đã triệu tập anh Đoàn Ngọc L nhiều lần nhưng anh L vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án:*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị Trần Thị H. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Đoàn Ngọc L.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Đoàn Ngọc Nhật A, sinh năm 2018 và Đoàn Ngọc Thiên A1, sinh năm 2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa chị Trần Thị H và anh Đoàn Ngọc L là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Đoàn Ngọc L cư trú tại xã A, huyện L nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh L chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã H), huyện T, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 28/11/2017 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị H trình bày vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không còn quan tâm chia sẻ lẫn nhau, và đã sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay không bàn bạc đoàn tụ. Tòa án nhiều lần mời anh L đến Tòa án làm việc nhưng anh L vẫn không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa thể hiện sự bỏ mặc quan hệ hôn nhân với chị H. Xét thấy, hôn nhân giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên giải quyết cho chị H được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Chị H và anh L có hai con chung tên là Đoàn Ngọc Nhật A, sinh ngày 10/10/2018 và Đoàn Ngọc Thiên A1, sinh ngày 10/10/2020.

Hiện cháu Nhật A và cháu Thiên A1 đang do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, qua tham khảo ý kiến cháu Nhật A có nguyện vọng được sống với chị H, anh L cũng không có ý kiến hay tranh chấp về việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của chị H, giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L không có ý kiến trình bày nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[7]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Đoàn Ngọc L.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên là Đoàn Ngọc Nhật A, sinh ngày 10/10/2018 và Đoàn Ngọc Thiên A1, sinh ngày 10/10/2020 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh L vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh L1 có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh L1 thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi

người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0008001 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị H đã nộp xong.

Chị Trần Thị H, anh Đoàn Ngọc L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã Hòa An;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nhật Lệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**